TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2023.
V/v tranh chấp:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Lê Viên**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Mai Văn Thuận**

Ông **Đào Thanh Tùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Hồng Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Giỏi Mạnh Phi** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1178/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị C** Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Tổ X, thôn HN, xã Vĩnh N, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Chí T** Sinh năm: 1980

Địa chỉ: Thôn LH, xã Vĩnh L, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Phan Thị C trình bày:* Bà Phan Thị C và ông Nguyễn Chí T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L, thành phố Nha Trang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/6/2017.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây, giữa bà và ông T thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tuy đã cố gắng hòa giải với nhau nhưng mâu thuẫn ngày càng gay gắt, trầm trọng và

không thể hàn gắn được nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà C và ông T có một con chung là Nguyễn Trung Th, sinh ngày 09/01/2016. Hiện nay con chung đang sống cùng ông T nên bà C đồng ý giao cháu Th cho ông T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn – ông Nguyễn Chí T mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đến Tòa để lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, nhưng ông T không đến Tòa làm việc theo giấy triệu tập nên Tòa án không lấy được lời khai của ông T, không hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Phan Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Chí T; giao con chung Nguyễn Trung Th sinh ngày 09/01/2016 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do; căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị C cho rằng, bà và ông Nguyễn Chí T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 13/6/2017, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau, bà C xác định ông T không có trách nhiệm với gia đình, đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, cả hai đã ly thân từ năm 2019, hiện nay mỗi người sống mỗi nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông T không đến Tòa để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa cho thấy ông T đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà C. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định, tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà C là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận để bà C được ly hôn ông T.

[3]. Về con chung: Bà Phan Thị C khai giữa bà và ông Nguyễn Chí T có 01 con chung là Nguyễn Trung Th sinh ngày 09/01/2016. Mặc dù không lấy được lời

khai của ông T và cháu Th nhưng căn cứ vào Biên bản xác minh ngày 06/12/2022, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lương xác nhận, cháu Th hiện đang sống cùng ông T; bà C đồng ý giao cháu Th cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C.

[4]. Tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị C xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Phan Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị C được ly hôn ông Nguyễn Chí T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trung Th sinh ngày 09/01/2016 cho ông Nguyễn Chí T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà Phan Thị C tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002632 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, bà C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- *TAND T. Khánh Hòa;*
- *VKSND TP. Nha Trang;*
- *Chi cục THADS TP. Nha Trang;*
- *UBND X. VL, TP. Nha Trang,*
T. Khánh Hòa (số 76, ngày 13/6/2017);
- *Các đương sự;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu hồ sơ;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Viên